

Bản án số: 05/2022/HS-ST.  
Ngày 28/01/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG.**

- *Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Q Luân

2. Bà Dương Thị Ninh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Q mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh ngày 04/8/1985;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ dân phố Cầu Mới, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Dao; quốc tịch: V Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị L (đã chết); anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ 02; vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1983; con: Có 01 con, sinh năm 2015;

Tiền án: Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 59/2018/HSST ngày 26/12/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2021

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2004 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 26/HSST ngày 02/09/2004.

Năm 2013 bị Công an phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng, tại Quyết định xử phạt hành chính số 16 ngày 03/11/2013

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 16/09/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

*(Có mặt tại phiên tòa).*

*\* Những người bị hại:*

- Bà Nguyễn Thảo V; sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 2 Minh Thái, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Minh Q; sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Đồng Danh, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Lương Q T; sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn km 65, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Lù Quốc V; sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Cốc Độ, xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang; hiện đang làm thuê cho ông Lê Công Q, địa chỉ: Thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Hứa Thị T; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Công ty TNHH H; người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Trọng H - chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, nhân viên công ty; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

*(Những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa)*

*\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Ngọc N; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nghiêm Văn T; sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Phạm Xuân M; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Thịnh, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Vũ Thị V; sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Yên, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Phạm Thị H; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Cầu Mới, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*(Bà Phạm Thị H có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố Cầu Mới, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 26/12/2018 bị Tòa án nhân dân huyện H áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tính chất chuyên nghiệp xử phạt T 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 30/01/2021, T chấp hành án trở về địa phương, do không có việc làm, không có tiền chi tiêu, thường này T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22k5 - 7075 (của Phạm Thị H sinh năm 1983 vợ Tuấn) đi dọc các tuyến đường trên

địa bàn huyện H mục đích thấy gia đình nào sơ hở thì trộm cắp và trong khoảng thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 9/2021, T đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; trong đó có 04 lần trộm cắp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên; 02 lần trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng.

**04 lần bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị tài sản mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên, cụ thể như sau.**

Lần 01: Khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021, T điều khiển xe mô tô trên đến km 34 đường Quốc lộ 2 Tuyên Q - Hà Giang, T nhìn thấy nhà bà Nguyễn Thảo V sinh năm 1978, trú tại thôn 2 Minh Thái, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Q đang xây, bên cạnh có một dựng một lán để trông coi vật liệu xây dựng, T điều khiển xe đi qua nhà bà V một đoạn rồi quay xe lại H về Thị trấn T. Khi đến gần lán, T dựng xe ở ven đường rồi đi bộ vào, khi vào lán phát hiện có hai người đang ngủ say trên giường, đầu giường để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại máy J4, vỏ màu tím của bà Nguyễn Thảo V, T đến gần dùng tay phải cầm chiếc điện thoại để vào túi quần bên phải rồi quay lại nơi để xe mô tô, điều khiển xe đi H Thị trấn T. Đi được một đoạn khoảng 01 km T dừng lại tháo ốp và sim đang lắp ở điện thoại ra rồi ném vào lề đường bên phải sau đó đi về nhà. Khoảng 05 ngày sau, T lấy chiếc điện thoại trên đến một cửa hàng điện thoại không xác định được tại km 7 đường Quốc lộ 2 Tuyên Q - Hà Giang bán chiếc điện thoại trên được 250.000 đồng, số tiền này T chi tiêu cá nhân hết.

Lần 02: Khoảng 02 giờ ngày 31/8/2021, T tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến nhà ông Cao Văn H sinh năm 1990, trú tại thôn 1 V Thành, xã Tân Thành đang xây dựng, T dựng xe ngoài đường sau đó đi bộ vào trong rồi đi ra phía sau nhà thì thấy có nhiều cần khoan và mũi khoan của ông Nguyễn Minh Q sinh năm 1987, trú tại thôn Đồng Danh, xã Đ, huyện H khoan giếng thuê cho H đang được để ở góc tường phía sau nhà để hôm sau tiếp tục khoan (Q không gửi H trông coi). T dùng hai tay mỗi tay cầm một cần khoan rồi đưa ra gần nơi T để xe mô tô đặt xuống đất, sau đó tiếp tục quay lại lấy trộm các cần khoan và mũi khoan còn lại tổng cộng T lấy được 09 cần khoan bằng kim loại có kích thước dài 2,03m, đường kính đầu to 5,6cm đường kính đầu nhỏ 4cm; 01 cần khoan có gắn mũi bằng kim loại, có kích thước dài 2,3m, đường kính đầu to 5,6cm chiều rộng mũi khoan 0,8cm và 01 mũi khoan bằng kim loại, dài 35cm, đường kính 07cm trị giá 13.559.200 đồng. Khi đã chuyển hết các cần khoan và mũi khoan ra nơi để xe mô tô, T dùng dây cao su đã chuẩn bị từ trước rồi buộc vào giá đỡ hàng phía sau yên xe. Sau đó, điều khiển xe mô tô đi xuống Km24 và bán toàn bộ cần khoan và mũi khoan cho ông Trần Ngọc N sinh năm 1990 trú tại Thôn Tân Lập, xã Đ, huyện H là chủ cửa hàng mua bán sắt vụn được 1.270.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết (ông N khi mua không biết là tài sản do T trộm cắp mà có).

Lần 03: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 09/9/2021, T điều khiển xe mô tô trên đi đến nhà ông Lương Q T sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn km 65, xã Y, huyện H thì nhìn thấy có thiết bị tháo lắp nhanh gầu máy cuốc, nhãn hiệu DOOSAN, loại máy DX55 trị giá 15.923.200 đồng để ở sân. T đi bộ đến dùng hai tay bê thiết bị ra nơi để xe mô tô, rồi đặt lên phía sau yên xe, sau đó điều khiển xe đi về H Thị trấn T. Khi đi đến

công chợ xã Y, T nhặt 01 bao tải màu vàng ở cạnh đường để đựng thiết bị trên, sau đó, T tiếp tục điều khiển xe về thành phố T. Khoảng 06 giờ ngày 10/9/2021, T điều khiển xe mô tô chở thiết bị trên đến cửa hàng mua bán sắt vụn của ông Nghiêm Văn T sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Q bán được số tiền là 690.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết (Quá trình bán T không cho ông Nghiêm Văn T biết tài sản trên do trộm cắp mà có).

Lần 04: Khoảng 01 giờ ngày 16/9/2021, T tiếp tục điều khiển xe mô tô trên từ nhà đến quán bán hàng của gia đình ông Lê Công Q sinh năm 1987, trú tại Thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, T dừng xe cách nhà khoảng 30m rồi dừng lại, sau đó T đi bộ vào nhà thấy có Lù Quốc V sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Cốc Độ, xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang (là người làm thuê cho ông Quyền) đang ngủ trong nhà. T phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, loại máy iPhone XS 64GB, màu đen của V để trên đầu giường đang cắm dây sạc. T cúi xuống dùng 1 tay cầm điện thoại, tay còn lại rút dây sạc ra khỏi điện thoại rồi dứt điện thoại vào túi quần bên phải. Sau đó, quay lại xe mô tô sau đi về H Thị trấn T, khi đi đến cầu 31 thuộc xã T, huyện H, T dừng xe lại tháo ốp điện thoại và sim đang lắp trong điện thoại vứt xuống suối rồi đi về nhà. Đến trưa ngày 16/9/2021, T đem chiếc điện thoại trên đi cầm cố cho ông Phạm Xuân M sinh năm 1983 trú tại Tổ dân phố Tân Thịnh, Thị trấn T, huyện H là chủ cửa hàng điện thoại với giá 2.500.000 đồng. Khi T vừa nhận đủ số tiền 2.500.000 đồng thì bị Công an huyện H phát hiện (Quá trình T cầm cố ông M không biết điện thoại do T trộm cắp).

***02 lần bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, cụ thể như sau.***

Lần 01: Khoảng 18 giờ (Không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021, Vũ Văn T đi xe mô tô trên từ thành phố T về, trên đường về, T vào quán của bà Hứa Thị T sinh năm 1990 trú tại Thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H. Vào trong quán không thấy có người, T gọi không thấy ai trả lời. Lúc này, T nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy F1s, vỏ màu trắng của bà Trang trị giá 1.416.000 đồng để trên nóc tủ lạnh, T cầm lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần rồi đi xe mô tô về nhà. Vài ngày sau (không xác định được ngày cụ thể), T đem bán cho quán điện thoại (không xác định được) ở thành phố T được 150.000 đồng, số tiền này T chi tiêu cá nhân hết.

Lần 02: Khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) cuối tháng 7/2021, T điều khiển xe mô tô trên đi từ nhà đến ngôi nhà tại thôn Thọ Bình 2, xã B, huyện H đang được Công ty TNHH H địa chỉ Tổ dân phố 10, phường T, thành phố T thuê làm nơi cho công nhân. T dừng xe ở ngoài đường đi bộ vào trong nhà lấy trộm 01 bao tải trắng bên trong đựng 05 chiếc răng gầu máy cuốc của Công ty TNHH H trị giá 748.000 đồng ở nền nhà, sau khi lấy trộm được đã đem cất giấu ở đồi keo trên đường về rồi về nhà ngủ. Ngày hôm sau, sau khi ăn cơm trưa xong, T điều khiển xe mô tô trên lấy 05 răng gầu đã trộm hôm trước đem đến bán cho bà Vũ Thị V sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Yên, Thị trấn T chủ cửa hàng thu mua phế liệu được 210.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết (Quá trình bán T không cho bà V biết tài sản do

trộm cắp mà có).

Tại kết luận định giá tài sản số 24/KL - HĐĐGTS ngày 17/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, loại máy iPhone XS 64GB, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 sim của mạng Viettel, số thuê bao 0983.920.994, tổng trị giá 6.438.410 đ (*Sáu triệu bốn trăm tam mươi ba nghìn bốn trăm linh một đồng*).

Tại kết luận định giá tài sản số 24/KL - HĐĐGTS ngày 06/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 09 cần khoan bằng kim loại, 01 cần khoan có gắn mũi bằng kim loại và 01 mũi khoan bằng kim loại tại thời điểm ngày 31/8/2021 trị giá 13.559.200 đ (*Mười ba triệu năm trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng*); 01 thiết bị tháo lắp nhanh gầu máy cuốc nhãn hiệu DOOSAN loại máy DX55 tại thời điểm ngày 10/9/2021 trị giá 15.923.200 (*Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng*), 05 chiếc răng gầu máy cuốc, tại thời điểm tháng 7/2021 trị giá: 748.500 (*Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại máy F1s vỏ màu trắng cũ đã qua sử dụng; 01 sim của nhà mạng Viettel số 0394.576.522 tại thời điểm cuối tháng 7/2021 trị giá: 1.416.000 (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4 vỏ màu tím, 01 ốp điện thoại di động SAMSUNG J4 nhựa màu đen đã qua sử dụng và 01 sim của nhà mạng Viettel số 0399.077.824 tại thời điểm giữa tháng 7/2021 trị giá 2.244.761 đ (*Hai triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng*); 01 ốp điện thoại iPhone XS nhựa màu xanh đã qua sử dụng thời điểm tháng 9/2021 trị giá 89.820 đ (*Tám mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng*).

Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp được là 40.464.882 đ (*Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm tám mươi hai đồng*).

Tại cáo trạng số 03/CT-VKSTP, ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Vũ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với những người bị hại có yêu cầu bồi thường, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị

cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của ông Lương Q T, Công ty TNHH H, chị Hứa Thị T và hoàn trả tiền cho ông Phạm Xuân M. Nhưng do chưa có điều kiện để bồi thường nên bị cáo chưa bồi thường.

Những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên những nội dung đã khai tại Cơ quan điều tra; bà Nguyễn Thảo V rút yêu cầu bồi thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; ông Lương Q T giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 15.923.200 200 (*Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng*); bà Hứa Thị T giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 1.416.000 (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*); Công ty TNHH H giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 748.500 (*Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên nội dung đã khai báo tại Cơ quan điều tra; ông Phạm Xuân M giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) mà ông M đã trả cho bị cáo khi nhận cầm cố điện thoại di động bị cáo trộm cắp được. Riêng bà Phạm Thị H (vợ của bị cáo) có mặt tại phiên tòa, bà H trình bày bà không biết bị cáo dùng xe mô tô của bà làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp; bà không liên quan gì đến việc bị cáo trộm cắp cũng không được nhận tiền hay tài sản gì từ bị cáo. Xe mô tô bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp là xe của bà, là phương tiện đi lại hàng ngày của bà. Do vậy, bà đề nghị được xin lại xe mô tô đang bị tạm giữ.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản, ý kiến của nguyên đơn dân sự, lời khai của bị cáo, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2021, Vũ Văn T (có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản) đã thực hiện trộm cắp tài sản 06 lần; trong đó có 04 lần tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, cụ thể: Lần 01, khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021 tại thôn 2 Minh Thái, xã T, huyện H, T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Samsung J4 trị giá 2.244.761 đồng của bà Nguyễn Thảo V. Khoảng 05

ngày sau T bán chiếc điện thoại trên cho quán điện thoại (không xác định) ở thành phố T được 250.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Lần 02, khoảng 02 giờ ngày 31/8/2021, tại thôn 1 V Thành, xã Tân Thành, huyện H, T có hành vi trộm cắp 9 cần khoan bằng kim loại; 01 cần khoan có gắn mũi khoan bằng kim loại; 01 mũi khoan bằng kim loại trị giá 13.559.200 đồng của ông Nguyễn Minh Q. Sau đó T bán cho ông Trần Ngọc N được số tiền 1.270.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Lần 03. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 09/9/2021, tại thôn Km 65, xã Y, huyện H, T có hành vi trộm cắp 01 thiết bị tháo lắp nhanh gầu máy cuốc, nhãn hiệu DOOSAN, loại máy DX55 trị giá 15.923.000 đồng của ông Lương Q T. Sau đó T bán cho ông Nghiêm Văn T được số tiền là 690.000 đồng dùng chi tiêu cá nhân hết. Lần 4, khoảng 01 giờ ngày 16/9/2021 tại thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone trị giá 6.573.221 đ của ông Lù Quốc V. Sau đó, T cầm cố chiếc điện thoại cho Phạm Xuân M được 2.500.000. Khi T vừa nhận đủ số tiền 2.500.000 đồng thì bị Công an phát hiện. Ngoài ra, T còn thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản khác, trị giá mỗi lần trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, cụ thể: Lần 01. Khoảng 18 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021, tại quán của chị Hứa Thị T tại thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H, T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động OPPO trị giá 1.416.000 đồng của chị Trang. Vài ngày sau, T bán chiếc điện thoại trên cho quán điện thoại (không xác định) ở thành phố T được 150.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Lần 02, Khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021 tại thôn Thọ Bình 2, xã B, huyện H, T có hành vi trộm cắp 05 chiếc răng gầu máy cuốc trị giá 748.500 đồng của Công ty TNHH H. Sau đó bán cho bà Vũ Thị V được số tiền 210.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết

Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản của họ mà bị cáo đã thực hiện đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản; bị cáo đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo 06 lần thực hiện hành vi phạm tội, tại thời điểm phạm tội bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, số tiền thu được từ bán tài sản trộm cắp bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân, có thể coi tài sản có được từ việc trộm cắp là nguồn thu nhập của bị cáo; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Hành vi phạm tội của bị cáo, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đầu đủ năng lực nhận thức, có trình độ học vấn, nhiều lần bị xét xử về hành vi trộm cắp. Nên bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi trái với các quy định của pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, 02 lần bị xử phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà bị cáo còn cố ý tiếp tục các hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn là do lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường, bất chấp các quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm; trong vụ án này bị cáo 04 lần trộm cắp tài sản từ

2.000.000 đồng trở lên, 02 lần trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về phần trách nhiệm dân sự: Những người bị hại, ông Lương Q T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.923.200đ (*Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng*), tương đương với giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của ông Thanh; bà Hứa Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.416.000đ (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*) tương đương với giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của bà; Công ty TNHH H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 748.500đ (*Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*) tương đương với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp của Công ty. Yêu cầu bồi thường của ông Thanh, bà Trang, Công ty TNHH H phù hợp với thiệt hại xảy ra và phù hợp với quy định; tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại nhưng chưa bồi thường được. Nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người bị hại theo yêu cầu của họ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Xuân M yêu cầu bị cáo bồi hoàn khoản tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), là số tiền ông đã trả cho bị cáo khi bị cáo đến cửa hàng của ông để bán tài sản trộm cắp. Xét thấy, khi mua điện thoại di động của bị cáo, ông M không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có; số tiền 2.500.000 đồng bị cáo nhận của ông M Cơ quan điều tra đã tạm giữ; điện thoại di động đã thu hồi và trả cho người bị hại. Nên hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ cho ông Phạm Xuân M.

[7] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ: số tiền 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động iPhone XS, màu đen cũ, đã qua sử dụng; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT, màu sơn đỏ, đen, biển số 22K5-7075 cũ đã qua sử dụng; 09 cần khoan bằng kim loại; 01 cần khoan có gắn mũi khoan đều bằng kim loại; mũi khoan cũ, đã qua sử dụng.

Ngày 14/12/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Lù Quốc V 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS; trả lại cho Nguyễn Minh Q 09 cần khoan, 01 cần khoan có gắn mũi khoan và 01 mũi khoan. Việc Cơ quan điều tra trả lại tài sản bị trộm cắp thu hồi được cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng Cơ quan điều tra đã tạm giữ và gửi vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho ông Phạm Xuân M.



Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT, màu sơn đỏ, đen, biển số 22K5-7075, là xe của bà Phạm Thị H, vợ bị cáo. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi lại để đi trộm cắp tài sản bà H không biết, bà H cũng không được hưởng lợi từ việc bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Nên trả lại xe mô tô biển kiểm soát 22K5-7075 cho bà H theo quy định.

Đối với 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen, là mũ của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị lấy lại nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với các ông Trần Ngọc N, Nghiêm Văn T, Phạm Xuân M, bà Vũ Thị V khi mua tài sản của T bán không biết, T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với các cửa hàng điện thoại T khai bán tại thành phố T, Cơ quan điều tra không xác định được cửa hàng, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Phạm Thị H không biết T sử dụng xe vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường; bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 16/9/2021.

**2.** Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 357, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Vũ Văn T phải bồi thường cho ông Lương Q T số tiền 15.923.200đ (*Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

Buộc Vũ Văn T phải bồi thường cho bà Hứa Thị T số tiền 1.416.000đ (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*).

Buộc Vũ Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH H số tiền 748.500đ (*Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

*“ Đối với khoản tiền chưa bồi thường, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.”*

**3.** Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Phạm Xuân M số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Phạm Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT, màu sơn đỏ, đen, biển số 22K5-7075 cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen đã qua sử dụng.

*(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 10/01/2022; số tiền 2.500.000 đồng Cơ quan điều tra Công an huyện H đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H mở tại Kho bạc Nhà nước huyện H theo Ủy nhiệm chi số 01, ngày 12/01/2022).*

**4. Về án phí và quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn T phải nộp 904.385đ *(Chín trăm linh tư nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng)* án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Vũ Văn T, bà Phạm Thị H, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Q Luân – Dương Thị Ninh**

**Lương Thanh Huyền**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- Công an h.Hàm Yên;
- Chi cục THADS h.Hàm Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam;
- UBND Thị trấn T;
- Bị cáo;
- Những người bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thanh Huyền**







